

Phụ lục VI
Appendix VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21./QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 21/12/2021 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN THIÊN
LONG
THIEN LONG GROUP
CORPORATION

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 52.2023/CV-TLG
No.: 52.2023/CV-TLG

TP. HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2023
HCMC, 18 July 2023



CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng
khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN**
LONG/ THIEN LONG GROUP CORPORATION

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: **TLG**
- Địa chỉ/Address: **Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Đường Mai Chí Thọ,**
Phường Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP.HCM/ 10th Floor, Sofic Tower, 10 Mai
Chi Tho Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, HCMC
- Điện thoại liên hệ/Tel.: **+84 28 3750 5555** Fax: **+84 28 3750 5577**
- E-mail: **ir@thienlongvn.com**

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty kiểm toán.

Thực hiện theo Nghị quyết HĐQT số 05/2023/NQ-HĐQT thông qua việc chọn công ty kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2023, ngày 18/07/2023, Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long và Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đã ký hợp đồng kiểm toán số 9716/PwC-HCMC/HĐ/2023.

Thien Long Group signed a contract with an Auditing Company.

By Resolution of the Board of Directors No. 05/2023/NQ-HĐQT to approve auditing company for the 2023 financial statements, on 18/07/2023, TLG and PwC (Vietnam) Limited signed contract No. 9716/PwC-HCMC/HĐ/2023.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed*)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/07/2023 tại đường dẫn <http://thienlonggroup.com/quan-he-co-dong/> *This information was published on the company's website on 18/07/2023, as in the link http://thienlonggroup.com/quan-he-co-dong*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/*Attached documents:*

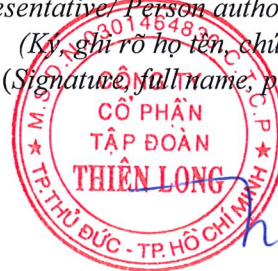
Hợp đồng số 9716/PwC-HCMC/HĐ/2023 ngày 18/07/2023/
Contract No. 9716/PwC-HCMC/HĐ/2023 dated on 18/07/2023

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



Trần Phương Nga

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN
Số: 9716/PwC-HCMC/HĐ/2023

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011 và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng dịch vụ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH PwC (Việt Nam);

Hôm nay, ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại thành phố Hồ Chí Minh, Hợp đồng Kiểm toán này ("Hợp đồng") được lập giữa:

BÊN A: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Địa chỉ: Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Mai Chí Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84-(08)-3750 5555 Fax: +84-(08)-3750 5577
Mã số thuế: 0301464830
Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Phương Nga
Chức vụ: Tổng giám đốc điều hành

BÊN B: Công ty TNHH PwC (Việt Nam) ("PwC")

Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +8428.3823 0796
Mã số thuế: 0100157406
Số tài khoản: VND: 3009523, tại Ngân hàng ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, 39 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Người được ủy quyền hợp pháp: Ông Quách Thành Châu
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
theo giấy ủy quyền, ngày 1 ngày 7 năm 2023, bản sao giấy ủy quyền có xác nhận của Bên B đính kèm theo Hợp đồng này.

Mỗi bên được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Các Bên".

Các Bên cùng nhau thỏa thuận và ký kết Hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính (sau đây được gọi tắt là "Dịch vụ") sau khi Bên B được bổ nhiệm làm kiểm toán viên theo luật định của Bên A và các công ty con của Bên A (sau đây được gọi là "Tập đoàn"), bao gồm Dịch vụ sau:

- 1.1 Kiểm toán Báo cáo Tài chính riêng của Bên A và hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên (sau đây gọi chung là "Báo cáo Tài chính");
- 1.2 Soát xét Báo cáo Tài chính giữa niên độ riêng của Bên A và hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 (sáu) tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán 6 (sáu) tháng kết thúc cùng ngày nêu trên (sau đây gọi chung là "Báo cáo Tài chính giữa niên độ").

Chi tiết nội dung, phạm vi và tiến độ thực hiện Dịch vụ được quy định tại Phụ lục 2 của Hợp đồng này.

Điều 2: Quyền và Trách nhiệm của các bên

2.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc của Bên A hiểu và xác nhận có trách nhiệm về việc:

2.1.1 Lập và trình bày:

- (i) Báo cáo Tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn/Bên A tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn/Bên A cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- (ii) Báo cáo Tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn/Bên A tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tập đoàn/Bên A cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;

- 2.1.2 Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tài chính giữa niên độ để Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp;
- 2.1.3 Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
- (i) tất cả các tài liệu và thông tin mà Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tài chính giữa niên độ như chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, và các tài liệu liên quan khác (bao gồm nhưng không giới hạn biên bản cuộc họp Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, và Đại hội đồng Cổ đông hàng năm);
 - (ii) các tài liệu và thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Người đại diện theo pháp luật hoặc Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ mục đích của cuộc kiểm toán và soát xét;
 - (iii) quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán;
 - (iv) nhân sự có trách nhiệm để làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán và soát xét;
- 2.1.4 Đảm bảo các thông tin cung cấp cho Bên B là chính xác, trung thực, đầy đủ và thông báo ngay cho Bên B biết nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với những thông tin Bên A đã cung cấp cho Bên B;
- 2.1.5 Đảm bảo Bên B có quyền sử dụng hợp pháp đối với các thông tin hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba mà Bên A cung cấp cho Bên B để thực hiện Dịch vụ, nếu có;
- 2.1.6 Tuân thủ kế hoạch kiểm toán do Bên B đề xuất mà Bên A đã đồng ý;
- 2.1.7 Thực hiện những biện pháp hợp lý để bảo vệ tài sản của Bên A tránh những mất mát, thiệt hại và để ngăn chặn và phát hiện gian lận, nhầm lẫn và việc không tuân thủ các quy định pháp luật;
- 2.1.8 Đồng ý không kiện cáo, khiếu nại các công ty khác trong mạng lưới của Bên B ("công ty PwC khác"), các bên liên quan khác và các thành viên, giám đốc hoặc nhân viên của các công ty này khi các công ty này thay mặt Bên B thực hiện Dịch vụ. Các đơn vị này và nhân viên của họ có thể dựa vào điều này như là một bên trong Hợp đồng khi họ tham gia thực hiện Dịch vụ;
- 2.1.9 Mời Bên B tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hàng năm của Bên A trong trường hợp các cuộc họp đó có thảo luận về Báo cáo Tài chính được kiểm toán, các vấn đề trực tiếp ảnh hưởng đến Báo cáo Tài chính được kiểm toán, hoặc các vấn đề liên quan đến phạm vi công việc của Bên B;

- 2.1.10 Người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ có trách nhiệm lập Báo cáo Tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- 2.1.11 Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán và soát xét vào “Thư giải trình của Người đại diện theo pháp luật”, trong đó xác nhận trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Bên A về việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tài chính giữa niên độ, và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh cho kỳ/năm hiện tại và cho các kỳ/năm trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tài chính giữa niên độ;
- 2.1.12 Giám sát Bên B trong việc thực hiện Dịch vụ, có thông tin phản hồi kịp thời nhằm giúp Bên B thực hiện công việc một cách thông suốt;
- 2.1.13 Thanh toán phí Dịch vụ cho Bên B đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

2.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

2.2.1 Trách nhiệm của Bên B là:

- (i) thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Bên B phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo Tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo Tài chính. Các thủ tục thực hiện tùy thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo Tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã sử dụng và các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể của Báo cáo Tài chính;
- (ii) thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính giữa niên độ;

2.2.2 Bố trí các nhân viên có trình độ và kỹ năng phù hợp để thực hiện Dịch vụ;

2.2.3 Được quyền tiếp cận các nhân viên và Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Bên A để thu thập các bằng chứng kiểm toán và hồ sơ cần thiết;

- 2.2.4 Thực hiện Dịch vụ như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Tuy nhiên việc thực hiện Dịch vụ cũng sẽ phụ thuộc vào mức độ và chất lượng của các thông tin mà Bên A cung cấp cho Bên B và vào việc Bên A thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí Dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này;
- 2.2.5 Phát hành kết luận soát xét cho Cổ đông của Bên A về việc căn cứ trên kết quả soát xét của Bên B, Bên B có nhận thấy có vấn đề gì khiến Bên B cho rằng Báo cáo Tài chính giữa niên độ của Tập đoàn/Bên A không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn/Bên A tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn/Bên A cho kỳ kế toán 6 (sáu) tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.
- 2.2.6 Phát hành ý kiến kiểm toán cho Cổ đông của Bên A về việc liệu Báo cáo Tài chính của Tập đoàn/Bên A, xét trên các khía cạnh trọng yếu, có thể hiện trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Tập đoàn/Bên A tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn/Bên A cho giai đoạn/năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- 2.2.7 Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, Các Bên đồng ý rằng có thể có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu của Báo cáo Tài chính mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.
- 2.2.8 Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tài chính giữa niên độ để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A.

Điều 3: Giá trị Hợp đồng và thanh toán

3.1 Giá trị Hợp đồng

- Mức phí Dịch vụ của Bên B được ước tính dựa trên cơ sở mức độ trách nhiệm, trình độ chuyên môn của chuyên gia tham gia thực hiện và thời gian cần thiết để tiến hành công việc như kế hoạch đề ra.
- Mức phí Dịch vụ là 620.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

VND

- Soát xét Báo cáo Tài chính giữa niên độ	220.000.000
- Kiểm toán Báo cáo Tài chính	400.000.000
Tổng cộng	620.000.000

- Ngoài ra, Bên A đồng ý thanh toán khoản thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành tính trên mức phí Dịch vụ nói trên.

- Mức phí Dịch vụ ước tính trên đây dựa trên cơ sở Bên A sẽ lập Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tài chính giữa niên độ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, các chứng từ kế toán, sổ sách và hồ sơ của Bên A được lưu giữ tốt và nhân sự của Bên A sẽ hỗ trợ đầy đủ cho Bên B trong suốt quá trình Bên B thực hiện Dịch vụ. Điều này cũng phụ thuộc vào việc Bên A hoàn thành và cung cấp kịp thời cho Bên B các thông tin quy định tại “Tài liệu hỗ trợ khách hàng” (CAS). CAS liệt kê các thông tin mà Bên B phải có để có thể thực hiện Dịch vụ theo thời gian biểu mà Bên B đề xuất. Bên B sẽ cung cấp CAS cho Bên A trước khi bắt đầu thực hiện Dịch vụ.
- Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, nếu Bên B nhận thấy cần thiết phải mở rộng phạm vi Dịch vụ vì lý do không thể dự kiến trước vào thời điểm ký Hợp đồng này, thì Bên B có thể phải xem xét lại mức phí ước tính. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo trước cho Bên A ngay khi tình huống này phát sinh và Các Bên sẽ thỏa thuận và thống nhất mức phí tăng thêm.
- Nếu Bên B phải cung cấp thông tin về Bên A hoặc Dịch vụ theo quy định pháp luật hoặc quy trình bắt buộc khác, Bên A sẽ hoàn trả các chi phí hợp lý mà Bên B phải chịu liên quan đến việc cung cấp thông tin này.

3.2 Thanh toán

Phí Dịch vụ sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B theo tiến độ công việc, như sau:

Tiến độ	Lịch thanh toán VNĐ
Bắt đầu công việc soát xét báo cáo	220.000.000
Bắt đầu công việc kiểm toán 9 tháng	140.000.000
Bắt đầu công việc kiểm toán cuối năm	140.000.000
Phát hành dự thảo ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo Tài chính	120.000.000
Tổng cộng	620.000.000

Bên B sẽ phát hành hóa đơn cho Bên A theo lịch thanh toán trên đây. Bên A sẽ có trách nhiệm thanh toán hóa đơn trong vòng 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày hóa đơn được lập. Bất kỳ khoản phí dịch vụ nào chưa được thanh toán theo đúng thời hạn như quy định nêu trên sẽ được tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định có hiệu lực vào ngày Bên A thực hiện thanh toán cho Bên B và lãi suất sẽ được tính từ thời điểm quá hạn thanh toán cho đến thời điểm thanh toán thực tế. Ngoài ra, Bên B có toàn quyền quyết định tạm ngưng cung cấp Dịch vụ nếu Bên A trì hoãn thanh toán quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Điều 4: Bảo mật

4.1 Các Bên đồng ý sử dụng các thông tin mật của Bên kia chỉ cho mục đích liên quan đến Dịch vụ và không tiết lộ các thông tin mật này trừ khi có các yêu cầu theo quy định pháp luật hoặc yêu cầu của các cơ quan quản lý hoặc cơ quan chuyên môn mà Bên B là thành viên. Tuy nhiên, Bên B có thể cung cấp thông tin mật cho:

- (i) các công ty PwC khác và nhà thầu với điều kiện là các đơn vị này có ràng buộc về nghĩa vụ bảo mật, và
- (ii) bên bảo hiểm và cố vấn pháp lý của Bên B trong trường hợp có khả năng xảy ra hoặc xảy ra tố tụng liên quan đến Dịch vụ.

Bên B và các công ty PwC khác cũng có thể sử dụng thông tin mật cho các mục đích kinh doanh hợp pháp miễn là các thông tin đó không thể xác định được là của Bên A hoặc các bên khác.

Thông tin mật không bao gồm thông tin (i) được bên nhận biết một cách hợp pháp trước khi tiết lộ mà không bị hạn chế đối với việc sử dụng hoặc tiết lộ thông tin đó; (ii) được bên nhận phát triển độc lập mà không sử dụng hoặc dựa vào thông tin mật; hoặc (iii) sau này được phổ biến mà không do vi phạm Hợp đồng hoặc có được một cách hợp pháp từ bên thứ ba.

4.2 Bảo vệ dữ liệu cá nhân

- (i) Tuân thủ - Các Bên cam kết tuân thủ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định liên quan đối với dữ liệu cá nhân liên quan đến Hợp đồng này.
- (ii) Cung cấp dữ liệu cá nhân - Bên A sẽ không cung cấp dữ liệu cá nhân cho Bên B trừ khi dữ liệu cá nhân đó được coi là cần thiết để thực hiện Hợp đồng này. Đối với bất kỳ dữ liệu cá nhân nào cung cấp cho Bên B, Bên A xác nhận rằng Bên A đã có sự ủy quyền cần thiết từ chủ thể dữ liệu để Bên B được sử dụng và chuyển dữ liệu cá nhân đó theo Hợp đồng này và đảm bảo rằng các chủ thể dữ liệu đã được cung cấp thông tin cần thiết về việc sử dụng dữ liệu cá nhân của Bên B.
- (iii) Quyền xử lý - Bên A đồng ý rằng Bên B có thể xử lý dữ liệu cá nhân cho bất kỳ mục đích nào sau đây:
 - thực hiện Hợp đồng;
 - quản lý an toàn thông tin, quản lý rủi ro và chất lượng;
 - tuân thủ quy định pháp luật hoặc yêu cầu từ cơ quan quản lý hoặc cơ quan chuyên môn mà Bên B là thành viên;
 - vận hành, quản lý, phát triển kinh doanh và dịch vụ của Bên B;
 - cung cấp cho Bên A thông tin về Bên B và các loại dịch vụ của Bên B.

- (iv) Quyền chuyển dữ liệu - Bên B có thể chuyển dữ liệu cá nhân cung cấp cho Bên B cho các công ty PwC khác, các nhà thầu phụ và các nhà cung cấp dịch vụ của Bên B (có thể ở các lãnh thổ khác) cho bất kỳ mục đích nào được nêu tại điều khoản này. Bên B chỉ chuyển dữ liệu cá nhân khi có các cơ sở pháp lý và có các biện pháp bảo vệ dữ liệu thông qua hợp đồng với bên xử lý dữ liệu hoặc trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu bảo vệ dữ liệu theo quy định pháp luật hiện hành.

Chính Sách Bảo Mật Thông Tin Cá Nhân của Bên B nêu tại <https://www.pwc.com/vn/vn/about-us/privacy-statement.html>

4.3 Dữ liệu cá nhân EEA - Các điều khoản sau áp dụng cho việc xử lý dữ liệu cá nhân EEA nếu Bên A thông báo cho Bên B biết rằng các dữ liệu cá nhân cung cấp cho Bên B có bao gồm dữ liệu cá nhân EEA:

(i) Định nghĩa:

- “EEA” là Khu Vực Kinh Tế Châu Âu.
- “Dữ liệu cá nhân EEA” là dữ liệu cá nhân liên quan đến một người sinh sống ở EEA, có thể được xác định một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

- (ii) Khi Bên B là bên kiểm soát Dữ liệu cá nhân EEA, Bên B có thể xử lý dữ liệu cá nhân cho mục đích được nêu trong Chính Sách Bảo Mật Thông Tin Cá Nhân.

- (iii) Khi Bên B là bên xử lý dữ liệu cá nhân EEA của Bên A, Bên B sẽ: (a) chỉ xử lý dữ liệu theo hướng dẫn bằng văn bản hợp pháp của Bên A; (b) thực hiện các biện pháp thích hợp đảm bảo an toàn thông tin, bao gồm ràng buộc nghĩa vụ bảo mật đối với các nhân viên liên quan; (c) chỉ chuyển giao cho các bên nhà thầu phụ theo hợp đồng bằng văn bản với các nghĩa vụ phù hợp với điều khoản này và Bên A cho phép Bên B chuyển dữ liệu cá nhân của Bên A cho họ; và (d) thông báo cho Bên A ngay sau khi nhận biết có vi phạm, nếu có, liên quan đến dữ liệu cá nhân EEA người nhận ở bên ngoài EEA, Bên B sẽ chỉ thực hiện việc chuyển giao khi có cơ sở hợp pháp để thực hiện.

- (iv) nếu người nhận ở bên ngoài EEA, Bên B sẽ chỉ thực hiện việc chuyển giao dữ liệu cá nhân khi có cơ sở hợp pháp để thực hiện.

Điều 5: Sở hữu trí tuệ

Các giấy tờ và hồ sơ kiểm toán liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ do Bên B tạo ra trong quá trình thực hiện và cung cấp Dịch vụ, kể cả các tài liệu và hồ sơ kiểm toán bằng điện tử, là tài sản sở hữu trí tuệ của riêng Bên B.

Điều 6: Sản phẩm bàn giao

Sản phẩm bàn giao của Bên B bao gồm:

- (i) Báo cáo kiểm toán được lập theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- (ii) Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Báo cáo kiểm toán/soát xét của Bên B chỉ nhằm cung cấp cho Cổ đông của Bên A. Trừ khi Bên B đồng ý trước, hoặc trừ khi pháp luật yêu cầu, Bên A không được:

- (i) cung cấp báo cáo hoặc trao đổi về Dịch vụ với bên khác; hoặc
- (ii) tham chiếu đến báo cáo của Bên B hoặc ghi tên/logo của Bên B trong những tài liệu của Bên A được phát hành hoặc công bố rộng rãi.

Nếu Bên A công bố hoặc thể hiện báo cáo kiểm toán/soát xét của Bên B đi kèm với Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tài chính giữa niên độ, hoặc đề cập đến Bên B trong các tài liệu có các thông tin khác, dưới hình thức bản in hay bằng phương tiện điện tử (bao gồm nhưng không giới hạn trên trang web), thì Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc của Bên A phải (a) cung cấp cho Bên B một bản dự thảo của tài liệu dự kiến phát hành hoặc công bố đó để Bên B xem xét, và (b) lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bên B để đưa báo cáo của Bên B vào tài liệu trước khi tài liệu này được hoàn chỉnh và công bố. Khi báo cáo kiểm toán/soát xét của Bên B được tái hiện qua bất kỳ phương tiện truyền thông nào thì bắt buộc phải kèm theo toàn bộ Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tài chính giữa niên độ, bao gồm cả phần thuyết minh.

Bên A đồng ý rằng báo cáo kiểm toán/soát xét hoặc các tham chiếu đến Bên B sẽ không được đưa vào các hồ sơ nộp cho cơ quan chức năng liên quan đến việc chào bán chứng khoán nếu không có văn bản đồng ý trước của Bên B.

Bất kỳ thỏa thuận nào để thực hiện công việc liên quan đến việc chào bán chứng khoán kể cả việc đồng ý cho thực hiện công việc liên quan đến việc chào bán chứng khoán đó sẽ được thực hiện theo một thỏa thuận riêng.

Điều 7: Giới hạn trách nhiệm của Bên B

7.1 Bên B sẽ dựa vào thông tin do Bên A cung cấp theo quy định tại Điều 2.1 của Hợp đồng này để thực hiện Dịch vụ.

7.2 Trách nhiệm pháp lý của Bên B đối với mọi khiếu kiện liên quan đến Dịch vụ hoặc Hợp đồng không vượt quá mức phí của phần Dịch vụ làm phát sinh trách nhiệm đó. Trong mọi trường hợp, toàn bộ trách nhiệm pháp lý của Bên B không vượt quá tổng mức phí Dịch vụ của Hợp đồng này.

Trường hợp Bên A gồm nhiều bên, mức giới hạn trách nhiệm nêu tại điều này sẽ được phân chia đồng đều cho các bên hoặc theo quyết định của Bên A và thông báo cho Bên B. Bên A đồng ý không tranh chấp về mức giới hạn trách nhiệm nếu Bên A không phân bổ hạn mức đó.

- 7.3** Liên quan đến Dịch vụ và Hợp đồng này, Bên B không chịu trách nhiệm pháp lý đối với (i) tổn thất, thiệt hại gián tiếp, ngẫu nhiên hoặc mang tính hệ quả, (ii) tổn thất về lợi nhuận, lợi thế thương mại, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tiết kiệm hoặc lợi ích ước tính, và (iii) mất mát hoặc hư hỏng dữ liệu.
- 7.4** Bên A đồng ý hoàn lại cho Bên B các khoản phát sinh đối với trách nhiệm pháp lý và các chi phí hợp lý liên quan đến khiếu kiện của một bên khác về Dịch vụ hoặc Hợp đồng này.
- 7.5** Bên A đồng ý rằng bất cứ nghĩa vụ pháp lý nào liên quan đến Dịch vụ hoặc Hợp đồng này sẽ là nghĩa vụ pháp lý chỉ của Bên B. Bên A đồng ý không khiếu kiện bất cứ cá nhân nào của Bên B (kể cả do sơ suất).

Điều 8: Chấm dứt Hợp đồng

8.1 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Bên A

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên B bằng văn bản và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và phải thông báo cho Bên B trước ít nhất là 14 (mười bốn) ngày nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:

- (i) Bên B không có chức năng cung cấp Dịch vụ theo quy định pháp luật và bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đình chỉ việc cung cấp Dịch vụ; hoặc
- (ii) Bên B không tuân thủ cam kết về bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này; hoặc
- (iii) Bên B không tuân thủ các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này và trong thời hạn 1 (một) tháng kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị khắc phục của Bên A, Bên B vẫn không khắc phục được việc không tuân thủ đó.

Quyền đòi bồi thường theo quy định này của Hợp đồng có thể được thực hiện bằng việc khấu trừ vào phí Dịch vụ khi thanh toán.

Nếu Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng không theo quy định tại Hợp đồng này, Bên A sẽ phải thanh toán toàn bộ khoản phí Dịch vụ và chi phí phát sinh thực tế đối với Bên B (kể cả chi phí phải trả cho nhân viên và các chi phí liên quan) cho đến ngày chấm dứt Hợp đồng.

8.2 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Bên B

Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên A bằng văn bản và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và phải thông báo cho Bên A trước ít nhất là 14 (mười bốn) ngày nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:

- (i) Bên A không thanh toán phí Dịch vụ theo đúng thời gian thỏa thuận như quy định trong Hợp đồng này; hoặc
- (ii) Bên A không tuân thủ kế hoạch kiểm toán mà Các Bên đã nhất trí hoặc không đáp ứng các yêu cầu của Bên B để hoàn tất Dịch vụ một cách đúng đắn mà không có lý do chính đáng mặc dù Bên B đã có văn bản yêu cầu thực hiện.

Bên B cũng có thể chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng văn bản thông báo cho Bên A nếu việc thực hiện Hợp đồng (bao gồm thỏa thuận về phí) có thể ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B hoặc dẫn đến việc vi phạm các yêu cầu, quy định pháp luật hoặc chuẩn mực mà Bên B phải tuân thủ.

Nếu Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng không theo quy định tại Hợp đồng này, Bên B sẽ phải hoàn lại cho Bên A toàn bộ khoản phí Dịch vụ mà Bên B đã nhận của Bên A.

8.3 Hợp đồng cũng có thể chấm dứt hiệu lực trong trường hợp sau:

- do sự kiện bất khả kháng (là những sự kiện xảy ra không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết bao gồm nhưng không giới hạn những sự kiện như thiên tai, bão, lũ, động đất, bệnh dịch, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam) mà một bên hoặc các bên không có khả năng tiếp tục thực hiện Hợp đồng trong thời hạn hơn 3 (ba) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, thì bên nào cũng có quyền ngay lập tức chấm dứt Hợp đồng này bằng văn bản thông báo chấm dứt cho bên kia vào cuối thời hạn 3 (ba) tháng. Không bên nào chịu trách nhiệm với bên kia nếu không đáp ứng được các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện bất khả kháng; hoặc
- một bên bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể; hoặc
- khi có thỏa thuận chấm dứt giữa các bên.

Điều 9: Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

9.1 Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

9.2 Các Bên cam kết thực hiện Hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và vì lợi ích của Các Bên. Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Nếu tranh chấp không giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết chung cuộc bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam ("VIAC") theo quy tắc của VIAC đang có hiệu lực khi tranh chấp hoặc khiếu kiện xảy ra.

Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt và địa điểm phân xử là Việt Nam. Phán quyết của hội đồng trọng tài sẽ là quyết định cuối cùng và có giá trị ràng buộc các bên.

Điều 10: Tuyển dụng nhân sự

Các quy tắc độc lập áp đặt các hạn chế đối với các thành viên nhóm kiểm toán khi được khách hàng kiểm toán tuyển dụng. Bên A cần lưu ý rằng việc tuyển dụng thành viên nhóm kiểm toán trong khoảng thời gian hai năm kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán của Bên B, tùy thuộc vào vai trò và trách nhiệm của họ, có thể là mối đe dọa nghiêm trọng đến tính độc lập của Bên B đến mức Bên B có thể phải rút khỏi cuộc kiểm toán. Nếu Bên A đang cân nhắc tuyển dụng thành viên nhóm kiểm toán, Bên A cần thông báo trước cho Bên B để Bên B xác định xem có bất kỳ hạn chế nào phát sinh từ vai trò và trách nhiệm của họ hay không.

Điều 11: Tuân thủ các quy định về chống tham nhũng

Liên quan đến Dịch vụ, Các Bên sẽ tuân thủ các quy định của Luật Phòng Chống Tham Nhũng của Việt Nam, Quy tắc Ứng xử và chính sách chống tham nhũng của PwC.

Điều 12: Điều khoản chung

12.1 Trao đổi thông tin

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, việc trao đổi thông tin giữa Các Bên có thể thực hiện bằng lời nói, bằng email hoặc bằng văn bản.

Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, Bên B có thể cấp quyền truy cập cho nhân viên của Bên A đến một số hệ thống của Bên B. Bên A chấp nhận rằng nhân viên của Bên A có thể truy cập vào hệ thống của Bên B bằng bất cứ thiết bị truy cập web nào. Bên A đồng ý chịu hoàn toàn trách nhiệm cho việc:

- a. cung cấp thông tin của những nhân viên mà Bên B thấy cần truy cập vào hệ thống của Bên B và đảm bảo họ nhận biết và đồng ý bị ràng buộc bởi các điều kiện truy cập;
- b. thông báo cho Bên B qua email khi nhân viên của Bên A thôi việc hoặc khi quyền truy cập của họ cần chấm dứt, và định kỳ rà soát quyền truy cập của các nhân viên để đảm bảo rằng nó vẫn còn phù hợp; và
- c. đảm bảo nhân viên của Bên A mã hóa thông tin mật khi cần thiết trước khi đưa lên hệ thống của Bên B.

12.2 Công cụ điện tử

Bên B có thể phát triển hoặc sử dụng các công cụ điện tử (như bảng tính, cơ sở dữ liệu, phần mềm) để cung cấp Dịch vụ. Bên B không có nghĩa vụ phải chia sẻ những công cụ này với Bên A, trừ khi đã quy định rõ là thuộc báo cáo/tài liệu theo Hợp đồng này. Nếu không, Bên B có thể chia sẻ với Bên A với điều kiện Bên A đồng ý rằng các công cụ này:

- a. vẫn thuộc quyền sở hữu của Bên B;
- b. do Bên B tự phát triển cho mục đích sử dụng của Bên B;
- c. Bên A tự chịu rủi ro khi sử dụng; và
- d. Bên A sẽ không cung cấp cho bên thứ ba.

12.3 Chuyển giao

Bên B có thể chuyển giao quyền hoặc chuyển nhượng nghĩa vụ của Bên B cho bên kế thừa hoạt động kinh doanh của Bên B. Ngoài ra thì quyền, nghĩa vụ Hợp đồng là không chuyển giao trừ khi Bên kia đồng ý trước bằng văn bản và sự đồng ý này không được từ chối bất hợp lý.

12.4 Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này xác lập toàn bộ thỏa thuận về Dịch vụ và thay thế các tài liệu khác hoặc bản chào dịch vụ liên quan. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Bên A ký và sẽ được xem là đã thanh lý sau khi các bên đã thực hiện xong các cam kết ghi trong Hợp đồng này, bao gồm việc Bên A thanh toán hết tất cả các hóa đơn phí Dịch vụ cho Bên B.

12.5 Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Bất kỳ thay đổi hoặc bổ sung nào đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này phải được lập thành văn bản có xác nhận của Các Bên và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.

12.6 Chữ ký điện tử

Mỗi bên đồng ý rằng Hợp đồng này có thể được ký bằng chữ ký điện tử và chữ ký điện tử trên Hợp đồng này hoặc các tài liệu khác sẽ có giá trị như chữ ký viết tay về tính hợp pháp, hợp lệ và hiệu lực.

12.7 Đề cập đến Bên A và Dịch vụ

Bên B có thể đề cập đến Bên A và Dịch vụ trong tài liệu tiếp thị, miễn là Bên B không tiết lộ thông tin mật của Bên A.

12.8 Dịch vụ cho các bên khác

Bên A đồng ý rằng Bên B có thể thực hiện các dịch vụ cho đối thủ cạnh tranh của Bên A hoặc các bên khác mà lợi ích của họ có thể xung đột với lợi ích của Bên A, miễn là Bên B sẽ không tiết lộ thông tin mật của Bên B và tuân thủ các nghĩa vụ đạo đức của mình.

Điều 13: Đồng ý các điều khoản

Các Bên ký xác nhận đã nhận và chấp thuận các điều khoản của Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 2 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 1 (một) bản gốc.



Trần Phương Nga
Tổng giám đốc điều hành
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

ĐẠI DIỆN BÊN B



Quách Thanh Châu
Người được ủy quyền hợp pháp
Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON

Tên các công ty

- 1 Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long
- 2 Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành
- 3 Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu
- 4 Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam
- 5 Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long
- 6 Flexoffice Pte. Ltd.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG, PHẠM VI, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỊCH VỤ

A. Nội dung và phạm vi Dịch vụ

Bên B thực hiện Dịch vụ theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này và trên cơ sở sau:

- 1.1 Các thủ tục kiểm toán của Bên B được thiết lập nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo Tài chính xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không. Có những hạn chế tiềm tàng trong việc thực hiện kiểm toán, ví dụ, việc kiểm toán được thực hiện dựa trên kiểm tra thông tin trên cơ sở chọn mẫu do đó có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, đặc biệt khi có hành vi che giấu thông qua sự thông đồng, giả mạo chứng từ và các hành vi phạm pháp khác. Vì vậy, cuộc kiểm toán của Bên B chỉ cung cấp một sự đảm bảo hợp lý mà không phải là một sự đảm bảo tuyệt đối rằng Báo cáo Tài chính không có sai sót trọng yếu.
- 1.2 Bản chất và mức độ kiểm tra của Bên B sẽ thay đổi tùy thuộc vào việc Bên B đánh giá vấn đề nào là trọng yếu đối với Báo cáo Tài chính của Bên A, tùy thuộc vào đánh giá của Bên B về hệ thống kế toán của Bên A cũng như quyết định của Bên B về việc dựa vào hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.
- 1.3 Vì trách nhiệm của Bên B là đưa ra ý kiến kiểm toán đối với tổng thể Báo cáo Tài chính chứ không phải đối với một bộ phận hay đơn vị riêng lẻ, nên bản chất và mức độ kiểm tra cũng như yêu cầu của Bên B tại mỗi bộ phận hay đơn vị riêng lẻ sẽ khác nhau phụ thuộc vào đánh giá của Bên B trong các tình huống đó.
- 1.4 Công việc kiểm toán không được thiết kế để nhằm phát hiện các vấn đề mà quản lý cần quan tâm hoặc nhằm xác định tính đầy đủ của hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm toán, nếu Bên B phát hiện có vấn đề quan trọng liên quan đến quản lý hoặc các khiếm khuyết lớn trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A, mà theo Bên B cần được Bên A quan tâm, thì Bên B sẽ thông báo cho Bên A. Việc truyền đạt các vấn đề này (nếu có) sẽ được thực hiện bằng văn bản hoặc qua trao đổi bằng lời. Bất kỳ thông tin nào liên quan đến các vấn đề này, bao gồm cả các báo cáo bằng văn bản, đều không được cung cấp cho các bên thứ ba nào khác. Bên B sẽ không có nghĩa vụ hoặc chịu trách nhiệm với bất kỳ bên nào khác liên quan đến các thông tin hoặc các báo cáo như vậy.
- 1.5 Ý kiến kiểm toán của Bên B chỉ nhằm phục vụ lợi ích của những người mà ý kiến kiểm toán được trình cho họ. Cuộc kiểm toán sẽ không được lập kế hoạch hoặc tiến hành với mục đích để cho bất kỳ bên thứ ba nào dựa vào đó, hoặc chú trọng vào một nghiệp vụ cụ thể nào đó. Do đó, sẽ có các khoản mục có thể được bên thứ ba quan tâm, nhưng không thuộc diện được Bên B đặc biệt chú ý, và có thể có các vấn đề được bên thứ ba diễn giải khác đi nhất là khi có liên quan một nghiệp vụ cụ thể.

- 1.6 Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam yêu cầu Bên B phải đọc các báo cáo thường niên và các tài liệu khác có ý kiến kiểm toán của Bên B. Mục đích của việc này là nhằm xem xét liệu các thông tin khác trong báo cáo thường niên, bao gồm cả cách trình bày các thông tin trong đó, có nhất quán một cách trọng yếu với các thông tin trong Báo cáo Tài chính hay không. Bên B không có nghĩa vụ phải thực hiện việc xác minh các thông tin khác này như một phần của cuộc kiểm toán của Bên B.
- 1.7 Bên B sẽ không được xem là đã được thông báo, về phương diện trách nhiệm kiểm toán, các thông tin mà Bên A đã cung cấp cho các công ty PwC khác, trừ những thông tin mà Bên A đã cung cấp cho những thành viên tham gia vào cuộc kiểm toán (ví dụ, thông tin cung cấp liên quan đến các dịch vụ tư vấn thuế).
- 1.8 Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Bên B đạt được sự đảm bảo rằng Bên B sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật.

B. Tiến độ thực hiện

Nội dung	Thời gian thực hiện
<ul style="list-style-type: none">Thực hiện soát xét báo cáo bán niên	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2023
<ul style="list-style-type: none">Phát hành báo cáo soát xét Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho Công ty cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 15 tháng 8 năm 2023
<ul style="list-style-type: none">Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính sơ bộ 9 tháng	Tháng 12 năm 2023
<ul style="list-style-type: none">Tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho	Tháng 12 năm 2023
<ul style="list-style-type: none">Thực hiện kiểm toán cuối năm tài chính	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2024
<ul style="list-style-type: none">Phát hành ý kiến kiểm toán về BCTC riêng và hợp nhất cuối năm cho Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 25 tháng 3 năm 2024